

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
*Independence - Freedom - Happiness*

Số/No.: 394/2022/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022  
Ha Noi, 28 March 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH CITY STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Name of Fund Management Company*: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên tổ chức / *Organization name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: FUESSV50
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 0243.9366321
- Fax: 0243.9366337
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Published by*: Bà Tô Thùy Linh
- Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám Đốc/ *COO*

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

*Information disclosure type*:  *Periodic*  *Irregular*  *24 hours*  *On demand*

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ *Content of Information disclosure (\*)*:**

Báo cáo tổng kết hoạt động của Công ty quản lý quỹ cho Quỹ ETF SSIAM VNX50 năm 2021/ *Operational report of SSIAM VNX50 ETF 2021*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 28/03/2022 tại đường dẫn : <https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam>.


*This information was disclosed on Company/Fund's Portal on 28 March 2022 at: <https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam>.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/  
Attachment:

Báo cáo tổng kết hoạt động của  
Công ty quản lý quỹ cho Quỹ ETF  
SSIAM VNX50 năm 2021  
Operational report of SSIAM  
VNX50 ETF 2021

Người công bố thông tin   
**Publisher**



*Lê Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ****Năm 2021**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**1. Thông tin về quỹ**

a) Tên của Quỹ: QUỸ ETF SSIAM VNX50 ("Quỹ")

Loại hình quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục;

b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.

c) Thời hạn hoạt động của Quỹ: không giới hạn

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Danh mục chỉ số VNX50

Mã cổ phiếu và tỷ trọng của FUESSV50 tại ngày 31/12/2021 như sau:

Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
1	ACB	4,14%
2	APH	0,25%
3	BVH	0,24%
4	CTG	1,29%
5	DGC	0,70%
6	FPT	3,74%
7	GEX	1,18%
8	GMD	0,60%
9	HCM	0,49%
10	HDB	2,26%
11	HPG	5,96%
12	HSG	0,78%
13	IDC	0,86%
14	KBC	1,13%
15	KDC	0,43%
16	KDH	1,12%
17	LPB	1,17%
18	MBB	3,13%
19	MSB	1,84%
20	MSN	4,22%
21	MWG	3,29%
22	NLG	0,64%
23	NVL	3,21%
24	OCB	1,06%
25	PDR	0,97%

2.

Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
26	PHR	0,31%
27	PLX	0,36%
28	PNJ	0,92%
29	POW	0,43%
30	PVD	0,33%
31	PVS	0,34%
32	SBT	0,34%
33	SHB	2,79%
34	SSB	2,47%
35	SSI	1,74%
36	STB	2,95%
37	TCB	5,96%
38	TCH	0,58%
39	THD	3,79%
40	TPB	2,04%
41	VCB	2,14%
42	VCI	0,87%
43	VHC	0,27%
44	VHM	5,59%
45	VIB	1,70%
46	VIC	6,61%
47	VJC	1,83%
48	VNM	3,78%
49	VPB	5,41%
50	VRE	1,45%

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

- Quỹ chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
  - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ;
  - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
  - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
- Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Nhà Đầu Tư có tên trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và ngày chi trả thì người chuyển nhượng là người được nhận lợi nhuận.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ quỹ tại ngày 01/01/2021	13.500.000	ccq
Tổng số lượng chứng quỹ phát hành thêm trong kỳ	-	ccq
Tổng số lượng chứng quỹ mua lại trong kỳ	-	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2021	13.500.000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): Không thay đổi

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): Vui lòng xem Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2021 theo đường link sau:

<https://www.ssi.com.vn/ssiam/cong-bo-thong-tin-vnx50-cbtt-chi-tiet/quy-etf-ssiam-vnx50-cong-bo-thong-tin-nghi-quyet-va-bien-ban-kiem-phiếu-dai-hoi-nha-dau-tu-thuong-nien-nam-2021>

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

## 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (%NAV) tại ngày 31/12/2021:

### Cơ cấu tài sản:

Loại tài sản	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019
1. Danh mục chứng khoán	99,7%	99,3%	99,7%
2. Tài sản khác	0,3%	0,7%	0,3%
<b>Tổng</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>

### Phân bố theo ngành:

STT	Ngành	31/12/2021 %	31/12/2020 %	31/12/2019 %
1	Bất động sản	20,8	24,1	27,4
2	Chăm sóc sức khỏe	0,0	0,0	0,1
3	Công nghệ thông tin	3,8	3,3	0,0
4	Công nghiệp	8,9	6,0	9,3
5	Dịch vụ tiện ích	0,4	1,3	1,0
6	Năng lượng	1,0	1,3	2,0
7	Tài chính	43,7	37,3	30,9
8	Tiêu dùng không thiết yếu	4,2	4,4	5,5
9	Tiêu dùng thiết yếu	9,7	13,7	14,7

R

STT	Ngành	31/12/2021 %	31/12/2020 %	31/12/2019 %
10	Vật liệu	7,3	8,2	5,3
11	Viễn thông	0,0	0,0	3,6
12	Tiền và tương đương tiền	0,2	0,4	0,3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	312.381.678.744	210.301.390.301	179.909.513.929
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	13.500.000	13.500.000	14.200.000
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	23.139,38	15.577,88	12.669,68
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	23.486,23	15.577,88	13.646,12
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	14.736,04	8.981,60	11.739,24
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	22.900	15.800	12.650
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	23.500	15.900	13.650
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	15.250	8.800	11.730
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	48,5%	23,0%	6,0%
2.10. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,10%	1,26%	1,33%
2.11. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	23,56%	11,77%	16,47%

- Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2021 giảm so với năm 2020 chủ yếu do giá trị tài sản ròng trung bình năm nay tăng mạnh so với năm trước, cao hơn mức tăng của chi phí hoạt động của quỹ.

- Tốc độ vòng quay danh mục trong năm 2021 tăng so với năm 2020 nguyên nhân do giá trị tài sản ròng trung bình năm nay tăng so với năm trước nhưng vẫn nhỏ hơn mức tăng của tổng giá trị giao dịch trong năm nay

- Tổng lợi nhuận của Quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
2.12. Lãi do đánh giá các khoản đầu tư chưa thực hiện	86.870.656.657
2.13. Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	2.244.401.093

2.14. Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu	15.943.534.593
2.15. Tổng chi phí	(2.978.303.900)
<b>Tổng cộng</b>	<b>102.080.288.443</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của Quỹ (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: Không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Tính tới ngày lập báo cáo	Tổng lợi nhuận bình quân (VND)
i) 1 năm	102.080.288.443
ii) 3 năm	49.228.333.080
iii) 5 năm	37.240.547.949

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 2 công ty chứng khoán độc lập được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

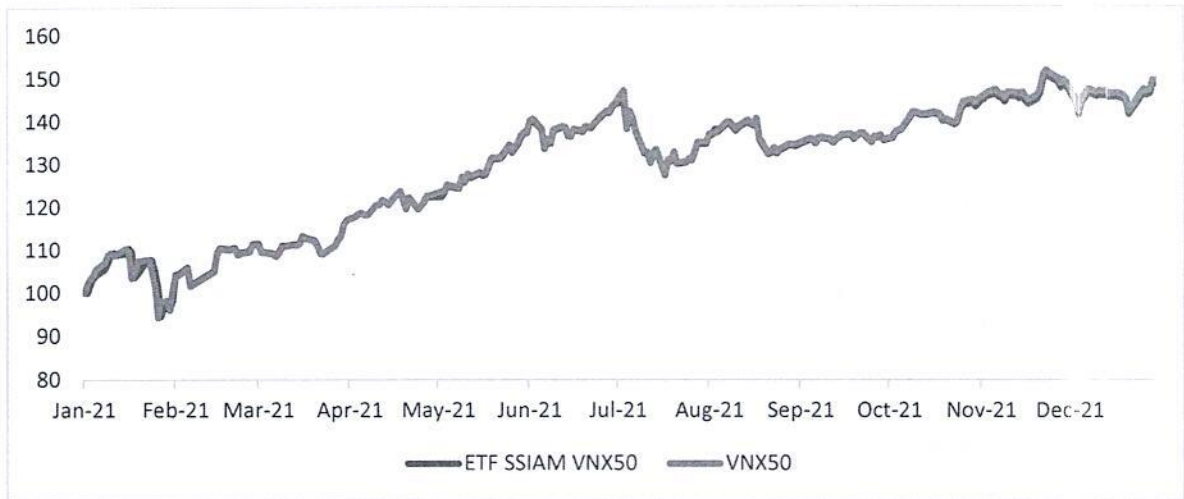
a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của Quỹ):

Chênh lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking error/TE) trong kỳ báo cáo không vượt mức **0,41%**, đạt tiêu chí đầu tư của Quỹ.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);

2



d) So sánh kết quả lợi nhuận của Quý với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quý đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong kỳ báo cáo, Quý theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ số VNX50 và không chủ động lựa chọn cổ phiếu dựa trên các nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty. Quý đầu tư 50/50 cổ phiếu trong danh mục rổ VNX50 với tỷ trọng tương ứng nhằm bám sát tỷ lệ sinh lời của chỉ số VNX50.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của Quý tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của Quý năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31/12/2021 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của Quý năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 99,70%, do Quý là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

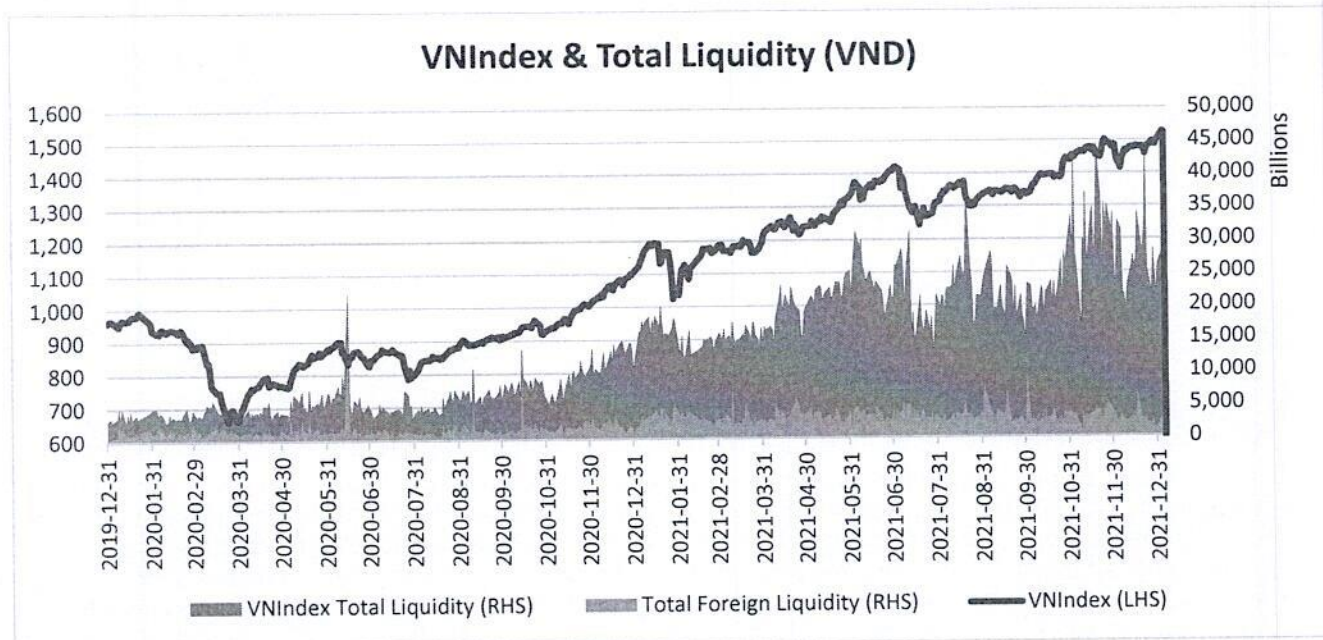


g) Phân tích kết quả hoạt động của Quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2021 của Quỹ ETF SSIAM VNX50 là 23.139,38 đồng tăng khoảng 48,54% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2020 là 15.577,88 đồng, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu tăng tương ứng 49,53%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap):

Năm 2021 là một năm đánh dấu sự thay đổi mô hình trong lịch sử thị trường tài chính Việt Nam. Chỉ số VNIndex kết thúc năm với mức tăng trưởng ấn tượng 37,36%, và thanh khoản cũng bùng nổ ở mức kỷ lục. Chỉ số VNI đóng cửa vào ngày 31 tháng 12 ở mức 1.498,28, ngay dưới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 và bùng nổ vào đầu tháng 1/2022, lập mức cao kỷ lục mới. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên HSX, sàn giao dịch chính, vào tháng 12 ở mức 1,19 tỷ đô, thấp hơn một chút so với mức 1,4 tỷ đô vào tháng 11 – tuy nhiên, nhìn tổng thể năm 2021, thanh khoản trên HSX trung bình là 942 triệu đô, gấp gần 3,5 lần so với con số 274 triệu đô vào năm 2020. Thanh khoản tăng trưởng bùng nổ tương tự trên các sàn giao dịch HNX và UpCom – năm 2021 trung bình giá trị giao dịch mỗi phiên đạt 135 triệu đô (HNX) và 72 triệu đô (UpCom), gấp hơn 4 lần so với con số khoảng 30 triệu đô (HNX) và 18 triệu đô (UpCom) vào năm 2020. Từ những số liệu thống kê này, chúng ta có thể thấy rằng một lượng tiền vào các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ / trung bình có tính đầu cơ được niêm yết trên HNX và UpCom – mặc dù con số tuyệt đối nhỏ hơn so với HSX, mức tăng trưởng tương đối với thanh khoản của từng cổ phiếu đã đủ mạnh để tạo ra một số tác động đáng kể về giá. Do đó, nhóm vốn hóa nhỏ và trung bình mang lại lợi nhuận lần lượt là 106% và 79% trong năm, vượt trội hơn so với các mã bluechip VN30 (44%), VNX50 vốn hóa lớn (50%) và VNI nói chung.



(Nguồn: HSX, SSIAM)

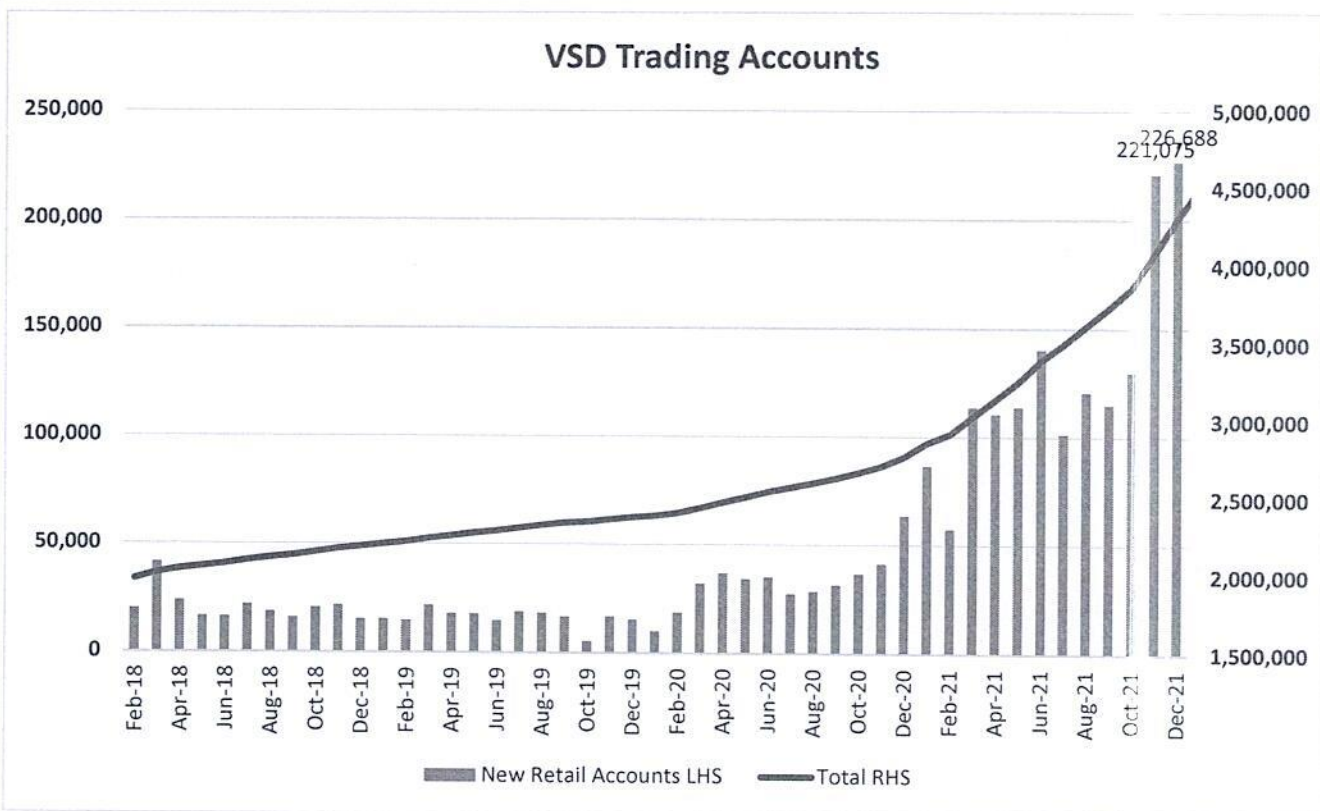
Việt Nam vẫn là một ngôi sao tiêu biểu trên thị trường toàn cầu, vượt trội hơn hầu hết các thị trường trong khu vực bao gồm các nước láng giềng ASEAN như Thái Lan, Indonesia, cũng như các thị trường tại cường quốc châu Á như Đài Loan, Hàn Quốc, Thượng Hải, và cả các thị trường EM và FM nói chung.

Từ góc độ phân bổ theo ngành, Tài chính (+ 42%), Bất động sản (+ 34%), Công nghiệp (+ 59%) và Vật liệu (+ 52%) dẫn đầu chỉ số trong năm 2021. Bất chấp đợt điều chỉnh gần đây, Vật liệu vẫn đóng góp 4,7 điểm phần

R

trăm vào 37% lợi nhuận tổng thể của VNI. Tài chính đóng góp lớn nhất với tỷ trọng hơn 30% trong chỉ số, đóng góp 14,1 điểm và Bất động sản đóng góp 8,4 điểm. Trong năm 2022, các ngành Tài chính, Bất động sản và Công nghiệp vẫn sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng của VNI vào năm 2022, phù hợp với việc nền kinh tế mở cửa trở lại. Các ngân hàng và công ty dịch vụ tài chính ở Việt Nam có ROE cao nhất trong số các công ty cùng ngành trong khu vực để có mức P/B cao và sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối phân bổ vốn hiệu quả trong nền kinh tế như đã đề cập trong báo cáo trước. Các công ty phát triển Bất động sản và Công trình / Vật liệu sẽ được hỗ trợ bởi chính sách tài khóa hỗ trợ tăng trưởng GDP và ngành Bán lẻ / Dịch vụ sẽ sớm phục hồi khi nền kinh tế chuyển sang trạng thái bình thường mới.

### Thanh khoản và số tài khoản giao dịch chứng khoán



(Nguồn: VSD, SSIAM)

Thanh khoản chủ yếu được thúc đẩy bởi các tài khoản giao dịch chứng khoán mới đăng ký. Tháng 12 là một tháng kỷ lục với 226 nghìn tài khoản mở mới (phá mức cao kỷ lục trước đó là 220 nghìn vào tháng 11) tại các công ty chứng khoán. Tổng số tài khoản mở mới trong năm 2021 đạt kỷ lục 1,5 triệu (cao gấp 2 lần so với 3 năm trước cộng lại), nâng tổng tài khoản giao dịch chứng khoán trên thị trường lên 4,3 triệu với tốc độ tăng trưởng hơn 50% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mức độ thâm nhập thị trường vốn vẫn chỉ chiếm khoảng 4% trong số hơn 100 triệu dân số – mặc dù tốc độ tăng trưởng theo cấp số nhân gần đây, xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2022 và xa hơn nữa để hỗ trợ cho sự tăng trưởng của thị trường vốn và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc phân bổ vốn hiệu quả vào các ngành với năng suất cao nhất của nền kinh tế.

### Hoạt động khối ngoại

Vào năm 2021, các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với tổng giá trị 58,3 nghìn tỷ đồng (tương ứng với 2,5 tỷ đô) trên HSX – gần gấp 4 lần mức bán ròng 15,3 nghìn tỷ đồng vào năm 2020 (tương đương với 670 triệu đô). Dữ liệu SSIAM tổng hợp cho thấy điều này chủ yếu là do các nhà đầu tư Hàn Quốc rút từ quỹ tập trung vào thị trường Việt Nam có trụ sở tại Hàn Quốc để phân bổ một phần lớn tài sản của họ vào các công ty công nghệ của Mỹ và crypto, thu lợi nhuận sau nhiều năm đầu tư vào Việt Nam vì lý do thuế, điều này cũng được cho thấy

qua bài phân tích trên Bloomberg gần đây. Do quy mô bán ròng là đáng kể, hiện tượng này phần lớn được thổi phồng, khi các nhà đầu tư không đủ thông tin hoặc các nhà đầu cơ sợ hãi đề xuất phương án giảm tỉ trọng rủi ro, gây ra tâm lý tiêu cực mỗi khi thị trường đạt đến đỉnh mới. Hoạt động bán của Hàn Quốc không có dấu hiệu liên quan đến hồ sơ rủi ro nội tại của thị trường Việt Nam nói chung, nhưng cho thấy chiến lược phân bổ tài sản vào các loại tài sản có kì vọng lợi nhuận cao hơn do dòng chảy vốn không bị hạn chế. Trên thực tế, dữ liệu cho thấy hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài từ các khu vực khác bao gồm Mỹ, EU và các thị trường khu vực bao gồm Thái Lan, Đài Loan, Malaysia, Hồng Kông tiếp tục phân bổ vào Việt Nam trong những năm gần đây. Dòng tiền khối ngoại sẽ sớm quay trở lại VN năm 2022. Điều quan trọng là, tổng hoạt động giao dịch khối ngoại hiện đang chỉ chiếm xấp xỉ 10% tổng thanh khoản được giao dịch hàng ngày (so với 30-35% 2 năm trước), cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng ngày một ít trên thị trường trong nước.

**Lợi nhuận đầu tư đối với các loại tài sản:**

Lãi/(lỗ) theo tài sản	Lãi/(lỗ) đã thực hiện	Lãi/(lỗ) chưa thực hiện
Cổ phiếu	15.943.534.593	86.870.656.657
<i>Trong đó:</i>		
Vốn hóa lớn	16.199.452.891	77.940.075.261
Vốn hóa vừa	(255.918.298)	(8.930.581.396)
Vốn hóa nhỏ	-	-

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát**

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Trong kỳ, quỹ không thực hiện hoạt động vay.

c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF SSIAM VNX50 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ/ mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

*(Handwritten mark)*

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: Trong năm, Quỹ không phát hành thêm chứng chỉ quỹ.
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: Trong năm, Quỹ không mua lại chứng chỉ quỹ.

e) Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lại thu nhập cho nhà đầu tư.

## 5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chi tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với thu nhập	Tỷ lệ so với tổng chi phí hoạt động
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	0,06%	0,06%	2,22%
Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	0,19%	0,19%	6,65%
Tiền dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	0,05%	0,05%	1,86%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

STT	Chi tiêu	Số tiền (VND)
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	198.000.000
3	Tiền dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	55.492.054
	<b>Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền</b>	<b>319.492.054</b>

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Trong kỳ báo cáo, các đơn vị nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng, dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), TE đã duy trì đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, an ninh hệ thống, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động ủy quyền. Các hoạt động ủy quyền trong kỳ báo cáo đã được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư của Quỹ.

### **Đánh giá dịch vụ Quản trị quỹ**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành (“Ngân hàng”) hiện đang là đơn vị được ủy quyền hoạt động dịch vụ Quản trị quỹ. Các hệ thống hiện có để cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ có nhiều ưu điểm, được áp dụng rộng rãi trên toàn cầu và được thiết lập cơ chế bảo mật do mỗi hệ thống khi thiết lập quyền truy cập đều có các nguyên tắc thiết lập mang tính bảo mật cao. Hệ thống kế toán và định giá chứng chỉ quỹ của Ngân hàng đã đáp ứng được yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ. Hệ thống này được cập nhật hai năm một lần bao gồm phát triển các tính năng mới và phát triển theo nhu cầu riêng của từng thị trường nên đã đáp ứng được các yêu cầu về hạch toán tại Việt Nam. Các hệ thống đều được lưu trữ dữ liệu hàng kỳ và có chương trình dự phòng thảm họa. Quy trình dự phòng thảm họa của Ngân hàng được thiết lập chi tiết, bài bản để khắc phục các thảm họa trong khoảng thời gian phù hợp nhất để đảm bảo hoạt động ít bị ảnh hưởng và các tổn thất là tối thiểu.

Dữ liệu được lưu trữ đúng theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam. Hệ thống lưu trữ thông tin của khách hàng luôn được bảo mật cao với cơ chế bảo mật tối đa. Ngoài dữ liệu dạng cứng, Ngân hàng còn thiết lập quy trình đảm bảo bảo mật thông tin một cách hiệu quả qua dữ liệu gửi qua email với các phương thức bảo mật như: tường lửa, yêu cầu xác nhận, thẩm quyền trong quá trình tương tác thông tin.

Hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng đảm bảo tất cả nhân viên của Ngân hàng tại các vị trí đều có trách nhiệm kiểm soát và tuân theo chính sách quản trị rủi ro. Các báo cáo chỉ số đánh giá hoạt động chính và báo cáo tiêu chuẩn kiểm soát chính được thực hiện hàng tháng và được xem xét bởi Ủy Ban Quản lý rủi ro tại các cuộc họp về rủi ro quản trị. Ngân hàng xây dựng các phương pháp nhằm hạn chế các rủi ro về hoạt động, rủi ro công nghệ, và rủi ro con người.

### **Đánh giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng (“VSD”)**

VSD đang là nhà cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quý.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng quỹ hoán đổi danh mục của VSD có các tính năng đáp ứng các nhu cầu dịch vụ của Đại Lý Chuyển Nhượng. Hệ thống có chức năng phân quyền linh hoạt, có thiết kế mở cho phép kết nối với các hệ thống thành viên khác. Hệ thống đáp ứng đầy đủ nhu cầu về nghiệp vụ Đại lý Chuyển Nhượng về việc Quản lý số nhà đầu tư, quản lý dữ liệu, phân bổ giao dịch và các hoạt động khác đáp ứng nhu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý phân phối, và Ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ....

Quy trình lưu trữ dữ liệu và kế hoạch dự phòng dữ liệu đảm bảo quy trình được diễn ra thông suốt. Hệ thống máy chủ của dịch vụ được đặt tại Trụ sở chính Hà Nội. Hệ thống dự phòng được đặt tại chi nhánh của VSD tại TP. Hồ Chí Minh, đồng thời dữ liệu được sao lưu hàng ngày ra băng từ và được lưu trữ tại VSD và lưu trữ từ xa. Dữ liệu hàng ngày được đồng bộ từ hệ thống chính vào hệ thống dự phòng và được khởi động trong vòng 30 phút kể từ khi có sự cố xảy ra.

### **Đánh giá dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV) và TE**

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh hiện đang là tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã đáp ứng được các yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật. Quy trình nghiệp vụ được thực hiện chính xác, giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) được công bố mười lăm giây một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã tính toán mức sai lệch đúng theo công thức quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **Đánh giá dịch vụ Đại Lý Phân Phối**

Các Thành viên lập quỹ (TVLQ) kiêm Đại lý phân phối đều đáp ứng được yêu cầu về việc kết nối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành và nhà cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, đảm bảo quy trình nghiệp vụ của TVLQ diễn ra thông suốt không bị gián đoạn. TVLQ đã đáp ứng được yêu cầu về quy trình ngăn giao dịch muộn, các quy trình về lưu trữ thông tin và bảo mật thông tin khách hàng.



12

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) *R*  
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



*Toà Thùy Linh*  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC